

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HS-ST
Ngày 27-11-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Khua
Bà Vũ Hồng Lĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà
Lân Thị Ngọc Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L sinh ngày 08-11-1991 tại Hải Phòng; cư trú tại: Thôn HN 1, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H1; vợ là Trần Thị M1 sinh năm 1991 và có 02 con (Con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 32/2010/HSST ngày 01/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09-01-2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Vũ Văn H sinh ngày 19-7-1986 tại Hải Phòng; Nơi ĐKNKTT: Thôn 5, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số 46 Đồng Xá 2, phường CB, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Q (Đã chết) và bà Vũ Thị D1; vợ là Lê Thị N1 sinh năm 1992 (Đã li hôn) và có 02 con (Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 29 ngày 10/4/2023 của Công

an quận ĐS, thành phố Hải Phòng: xử phạt 6.500.000đ về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Nhân thân:

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82 ngày 25-7-2019 của Công an quận HA, thành phố Hải Phòng phạt tiền về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác.

Tại Bản án số 11/2020/HS-ST ngày 08/5/2020 của Toà án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09-01-2024, đến ngày 16-9-2024 thay đổi sang biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Đào Hồng N sinh ngày 26-02-1988 tại Hải Phòng; cư trú tại: Tổ dân phố ĐT 2, phường BL, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn H2 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T1; chồng là Trần Quang H3 sinh năm 1983 (Đã li hôn) và có 02 con (Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

4. Trần Thị O sinh ngày 15-3-1985 tại tỉnh Nam Định; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 1 MT, phường MX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện tại: số nhà 52, tổ dân phố 2, phường Lộc Hạ, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L1 và bà Đinh Thị D1; chồng là Nguyễn Ngọc Q1 sinh năm 1983 và có 02 con (Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 286/2018/HSST ngày 18/10/2018 của TAND thành phố NĐ, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 08-3-2024, đến ngày 24-9-2024 thay đổi sang biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

5. Trần Văn A sinh ngày 07-10-1960 tại tỉnh Nam Định; cư trú tại: Thôn ML, xã YP, huyện YY, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H3 (Đã chết) và bà Trần Thị Đ1; vợ là Nguyễn Thị Đ1 sinh năm 1960 và có 04 con (Con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1992); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 211/HSPT ngày 18/11/1996 của Toà án nhân dân tỉnh Nam Hà xử phạt 15 tháng tù về tội “Cản trở giao thông gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Tại Bản án số 46/2019/HS-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện YY, tỉnh Nam Định: xử phạt Trần Văn A 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trốn thuế”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-9-2023, đến ngày 07-02-2024 thay đổi sang biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phạm Thị X sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn TT, xã DB, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2023 Lê Văn L, Vũ Văn H và Đào Hồng N đã thống nhất cùng nhau thành lập công ty, đồng thời tìm mua lại các công ty không có hoạt động kinh doanh, sản xuất thực tế tại địa chỉ đăng ký, từ đó xuất bán hóa đơn giá trị gia tăng (Sau đây ghi là hoá đơn GTGT) điện tử, không có hàng hóa dịch vụ kèm theo để hưởng lợi nhuận. Cụ thể H, L và N đã thống nhất nhiệm vụ, vai trò của từng người như sau: Vũ Văn H là người tìm khách hàng và quản lý xuất, bán trái phép hóa đơn; Lê Văn L có nhiệm vụ thành lập các công ty, tìm mua lại các công ty và cùng quản lý theo dõi việc xuất, bán trái phép hóa đơn; Đào Hồng N làm kế toán, kiểm soát việc xuất, bán hóa đơn, kiểm soát tiền ra vào của các công ty và thanh toán tiền lợi nhuận cho mọi người; tìm khách và cùng quản lý theo dõi, việc xuất, bán trái phép hóa đơn.

Sau khi bàn bạc, thống nhất như trên, Lê Văn L đã tự chủ động tìm kiếm qua mạng xã hội và đã thành lập, tìm mua được 09 công ty để phục vụ cho quá trình mua bán trái phép hóa đơn, gồm:

- Công ty TNHH Thương mại tổng hợp ĐHP (gọi tắt là Công ty ĐHP), có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thôn 3B, xã VC, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Giám đốc là Nguyễn Thị Hiên, sinh ngày 03/02/1997, số CCCD 035303004545 hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại xóm 4, xã LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Yên Bái đăng ký lần đầu cấp ngày 07/6/2023.

- Công ty TNHH Thiết bị xây dựng và dân dụng AT (gọi tắt là Công ty AT), có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thôn 3B, xã VC, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Giám đốc là Đỗ Quang C2, sinh ngày 09/11/1986, số CCCD 031086005602, hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại xóm 4, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Yên Bái đăng ký lần đầu cấp ngày 07/7/2023.

- Công ty TNHH Xây dựng thương mại tổng hợp GB 2023 (gọi tắt là Công ty GB 2023), có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thôn KN, xã CT, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Giám đốc là Lê Văn T2, sinh năm 1982, số CCCD 038082002169, trú tại Số 15B LVL, phường NN, thành phố Thanh Hóa. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Yên Bái đăng ký lần đầu cấp ngày 25/5/2023.

- Công ty TNHH Xây dựng thương mại dịch vụ TT (gọi tắt là Công ty TT), có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thôn KN, xã CT, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Giám đốc là Quản Thị D3, sinh năm 1959, số CCCD 031159002873, trú tại Số 21/41/161 Cẩm, phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Yên Bái đăng ký lần đầu cấp ngày 25/5/2023.

- Công ty TNHH Xây dựng AB 688 (gọi tắt là công ty An Bình 688) có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại Khu 2, xã PL, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Giám đốc là Lê Thị T4, sinh năm 1973, số CCCD 031173013943 trú tại thôn KD 1, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ đăng ký lần đầu cấp ngày 26/5/2023.

- Công ty TNHH dịch vụ thương mại An Phát CONSTRUCTION (gọi tắt là công ty An Phát) có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại Khu 2, xã PL, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Giám đốc là Lương Anh T5, sinh năm 1995, số CCCD 025095008112 trú tại Khu 1, xã PL, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ đăng ký thay đổi lần thứ hai cấp ngày 15/6/2023.

- Công ty TNHH xây dựng ĐTC 668 (gọi tắt là công ty ĐTC 668), có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thôn NĐ, xã NH, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Giám đốc là Đặng Thị Thùy M3, sinh năm 1990, số CCCD 001190003216 trú tại Phố Hoàng Cầu, phường PL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương đăng ký thay đổi lần thứ ba cấp ngày 07/6/2023.

- Công ty TNHH tư vấn xây dựng và phát triển BA 11 (gọi tắt là công ty Bình An 11) có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại số 329 đường Lê Lợi, phường HVT, thành phố Bắc Giang, Bắc Giang. Giám đốc là Lê Thị T6, sinh năm 1973, số CCCD 031173013943 trú tại KG 1, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương đăng ký thay đổi lần thứ hai cấp ngày 30/5/2023.

- Công ty TNHH TT 186 (gọi tắt là công ty TT 186) có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thôn MT, xã NL, huyện CG, Hải Dương. Giám đốc là Hoàng Văn T, sinh năm 1990, số CCCD 031090022314 trú tại xóm Tư Trung thôn AS, xã TS, huyện AL, thành phố Hải Phòng. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương đăng ký thay đổi lần thứ ba cấp ngày 12/6/2023.

Sau khi thành lập, tìm mua được 09 công ty nêu trên, Lê Văn L tự mình quản lý chữ ký số (USB token) của các công ty, còn toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến các công ty (Hồ sơ pháp lý, con dấu, chữ ký số, tài khoản ngân hàng, biển hiệu tên công ty...) thì để ở chỗ ở, nơi làm việc của Vũ Văn H thuộc phường CB, quận HA, thành phố Hải Phòng. Ngoài ra, L, H còn thuê Phạm Thị X làm kế toán, giúp soạn thảo nhập các hóa đơn, in, xuất hóa đơn. Sau đó, H, L, N đã tìm khách hàng để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn, bằng cách thông qua mạng xã hội vào các hội nhóm “*mua bán hóa đơn*” rồi thông qua “*người trung gian*” (Hiện tại không xác định được là ai, ở đâu) để thực hiện việc bán trái phép hóa đơn, chứ không làm việc trực tiếp với giám đốc hoặc đại diện của các công ty trực tiếp mua hóa đơn. Khi

bán trái phép hóa đơn nào thì cũng chuyển qua đường bưu điện cho “*người trung gian*” kèm theo các hợp đồng, biên bản đối chiếu... Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền mặt chuyển qua bưu kiện hoặc chuyển bằng xe khách.

Khi có khách hàng mua hóa đơn thì H sẽ gửi cho N để N thống nhất với khách hàng về thông tin ghi trên hoá đơn (Loại hàng hóa, lượng hàng hóa, thời gian...). Sau đó N sẽ gửi cho Hương để soạn thảo nhập hóa đơn chuyển lại cho khách hàng. Khi khách hàng đồng ý thì H hoặc N sẽ gọi qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp bảo L cắm chữ ký số (USB token) của các công ty theo yêu cầu vào máy tính cá nhân và sử dụng phần mềm Ultraview. Sau đó, L cung cấp ID, mật khẩu của từng công ty (Bằng cách chụp ảnh gửi cho Hương qua ứng dụng Telegram) và đồng thời Hương sử dụng máy tính truy cập vào ứng dụng phần mềm Ultraview đăng nhập ID, mật khẩu đã cung cấp, để kết nối chiếm quyền sử dụng và truy cập vào thực hiện việc xuất hóa đơn.

Bằng phương thức trên, từ tháng 5/2023 đến tháng 7/2023, Vũ Văn H, Lê Văn L, Đào Hồng N đã thực hiện việc bán hóa đơn như sau:

1. Công ty TT: Vũ Văn H, Lê Văn L, Đào Hồng N đã sử dụng Công ty TT xuất bán **35** số hóa đơn GTGT điện tử đều là giao dịch không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, mục đích là để thu lợi nhuận, gồm có:

- Công ty TNHH Kinh doanh Phát triển dịch vụ TA, mã số thuế 0601248855 với **09** (chín) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 13.606.494.496 đồng, thuế GTGT là 1.360.649.447 đồng.

- Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải NM, mã số thuế 0202203179, với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.335.985.000 đồng, thuế GTGT là 133.598.500 đồng.

- Công ty TNHH Dịch vụ tiếp vận SL, mã số thuế 0202202224 với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 810.427.725 đồng, thuế GTGT 81.042.773 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải HP NS, mã số thuế 0202202055 với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 751.550.000 đồng, thuế GTGT 75.155.000 đồng.

- Công ty TNHH ZEN LOGISTICS, mã số thuế 0202198698 với **11** (mười một) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 3.087.863.725 đồng, thuế GTGT là 308.786.373 đồng.

- Công ty TNHH Kinh doanh vận tải ĐT, mã số thuế 0202160334 với **04** (bốn) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 5.171.023.000 đồng, thuế GTGT là 517.102.300 đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư xây lắp HA, mã số thuế 0202116712 với **03** (ba) hóa đơn điện tử, có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 4.801.106.008 đồng, thuế GTGT là 480.110.600 đồng.

- Công ty TNHH Kinh doanh và thương mại tổng hợp TN, mã số thuế 0601249305 với **01** (một) hóa đơn điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 60.820.000 đồng, thuế GTGT là 6.082.000 đồng.

- Công ty TNHH Dịch vụ và Đầu tư phát triển TP, mã số thuế 0601249104 với **01** (một) hóa đơn điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 4.071.862.500 đồng, thuế GTGT là 407.186.250 đồng.

2. Công ty An Phát: Vũ Văn H, Lê Văn L, Đào Hồng N đã sử dụng Công ty AP xuất bán **01** (Một) số hóa đơn GTGT điện tử không có giao dịch hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển dịch vụ PKP, mã số thuế 0202149154 với 01 (một) hóa đơn điện tử giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 463.240.000 đồng, thuế GTGT là 46.324.000 đồng.

3. Công ty TT 186: Vũ Văn H, Lê Văn L cùng thực hiện sử dụng Công ty TT 186 xuất bán **89** (tám mươi chín) số hóa đơn GTGT điện tử là xuất, bán trái phép hóa đơn không có giao dịch hàng hóa, dịch vụ kèm theo, mục đích là để thu lợi nhuận, gồm có:

- Cá nhân Đinh Thị L5, mã số thuế 8031880736 với **02** (hai) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 176.145.000 đồng, tiền thuế GTGT là 14.276.100 đồng.

- Công ty Cổ phần Công nghiệp BT, mã số thuế 4600893433 với **11** (mười một) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 14.205.055.875 đồng, tiền thuế GTGT là 1.420.505.587 đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại BT, mã số thuế 2700955665 với **06** (sáu) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 2.478.731.800 đồng, tiền thuế GTGT là 247.873.180 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại và phát triển TH, mã số thuế 2700938853 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 466.605.500 đồng, tiền thuế GTGT là 46.660.550 đồng.

- Công ty Cổ phần thương mại vận tải BH, mã số thuế 0200760463 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.475.750.000 đồng, tiền thuế GTGT 118.060.000 đồng.

- Công ty TNHH Tổng hợp CS Việt Nam, mã số thuế 2400956668 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 4.096.449.442 đồng, tiền thuế GTGT là 409.644.944 đồng.

- Công ty Cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế Chailease - Chi nhánh HÀ NỘI, mã số thuế 0304738328-003 với **02** (hai) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 3.620.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 289.600.000 đồng.

- Công ty TNHH Phát triển thương mại ĐLP, mã số thuế 0201864779 với **04** (bốn) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 2.755.116.300 đồng, tiền thuế GTGT là 275.511.630 đồng.

- Công ty Cổ phần Group GAMA, mã số thuế 0202045395 với **02** (hai) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 715.743.179 đồng, tiền thuế GTGT là 71.573.318 đồng.

- Công ty TNHH Kỹ thuật tự động hóa HĐ, mã số thuế 0202088529 với **03** (ba) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.880.488.600 đồng, tiền thuế GTGT là 188.048.860 đồng.

- Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng HAN, mã số thuế 0202203757 với **02** (hai) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 279.497.288 đồng, tiền thuế GTGT là 22.359.783 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại xây dựng HPP HP, mã số thuế 2400967250 với **01** (một) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 123.359.200 đồng, tiền thuế GTGT là 9.868.736 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại vận tải HLP, mã số thuế 0201290757 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 148.250.000 đồng, tiền thuế GTGT là 11.860.000 đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư MH, mã số thuế 0201624135 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 211.636.000 đồng, tiền thuế GTGT là 16.930.880 đồng.

- Công ty TNHH Sản xuất TM & DV NGOC MINH, mã số thuế 4700273049 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.300.536.000 đồng, tiền thuế GTGT là 104.042.880 đồng.

- Công ty TNHH Thiết bị Phòng cháy chữa cháy TH, mã số thuế 0201581548 với **03** (ba) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 267.970.000 đồng, tiền thuế GTGT là 21.437.600 đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển dịch vụ Phúc Kim Ngân, mã số thuế 0202149154 với **05** (năm) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 2.568.895.000 đồng, tiền thuế GTGT là 226.421.600 đồng.

- Công ty TNHH Phát triển dịch vụ vận tải QM, mã số thuế 0201803173 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 449.550.000 đồng, tiền thuế GTGT là 35.964.000 đồng.

- Công ty Cổ phần đầu tư SVC Việt Nam, mã số thuế 0202071740 với **02** (hai) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 33.570.000 đồng, tiền thuế GTGT là 3.357.000 đồng.

- Công ty TNHH Xây dựng và thương mại TN, mã số thuế 2700877897 với **12** (mười hai) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 7.230.027.305 đồng, tiền thuế GTGT là 723.002.731 đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và vận tải TD, mã số thuế 0200992513 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 709.156.000 đồng, tiền thuế GTGT là 70.915.600 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại và kỹ thuật cơ điện TĐ, mã số thuế 0109153004 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 209.316.600 đồng, tiền thuế GTGT là 16.745.328 đồng.

- Công ty TNHH MTV Toàn Yên Bắc Giang, mã số thuế 2400615756 với **04** (bốn) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 16.013.314.477 đồng, tiền thuế GTGT là 1.601.331.488 đồng.

- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng công trình và thương mại TT, mã số thuế 0202159106 với **03** (ba) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 2.258.737.200 đồng, tiền thuế GTGT là 180.698.976 đồng.

- Công ty TNHH Kinh DO TM tổng hợp Trường An TA, mã số thuế 0109628106 với **04** (bốn) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 5.088.063.000 đồng, tiền thuế GTGT là 504.136.000 đồng.

- Công ty Cổ phần Tập đoàn xây dựng Trường Phát, mã số thuế 0109533567 với **02** (hai) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.254.736.807 đồng, tiền thuế GTGT là 100.378.945 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải TH, mã số thuế 0200660998 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 452.850.000 đồng, tiền thuế GTGT là 36.228.000 đồng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên VA, mã số thuế 5100311047 với **02** (hai) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 2.179.148.432 đồng, tiền thuế GTGT là 174.331.875 đồng.

- Công ty TNHH Việt Phát BK, mã số thuế 4700290573 với **01** (một) hóa đơn có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 400.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 32.000.000 đồng.

- Công ty TNHH Xây dựng và thương mại VT, mã số thuế 4600951780 với **03** (ba) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 5.349.120.600 đồng, tiền thuế GTGT là 534.912.060 đồng.

- Công ty Cổ phần đầu tư XD và thương mại VH, mã số thuế 0601250685 với **05** (năm) hóa đơn tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.125.400.602 đồng, tiền thuế GTGT là 90.032.048 đồng.

Trong số **89** số hóa đơn nói trên thì Đào Hồng N chỉ tham gia cùng Vũ Văn H, Lê Văn L sử dụng Công ty Tuấn Trang 186 xuất bán **07** số hóa đơn gồm: Công ty TNHH Tổng hợp Cao Sơn Việt Nam với 01 hóa đơn, Công ty Cổ phần Group GAMA với 02 hóa đơn và Công ty TNHH MTV Toàn Yên Bắc Giang với 04 hóa đơn.

4. Công ty Đại Thành Công 668: Thực hiện xuất bán **66** (Sáu mươi sáu) số hóa đơn GTGT điện tử đều là giao dịch không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, mục đích là để thu lợi nhuận. Trong đó:

4.1. Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N cùng thực hiện xuất bán **61** (sáu mươi một) số hóa đơn, gồm có:

- Công ty TNHH Thương mại và phát triển Thái Hà, mã số thuế 2700938853 (gọi tắt là Công ty Thái Hà) với **24** (hai mươi bốn) hóa đơn điện tử với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 13.894.097.979 đồng, tiền thuế GTGT là 1.389.409.797 đồng.

- Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Tâm Như, mã số thuế 2700877897 (gọi tắt là Công ty Tâm Như) với **25** (hai mươi năm) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 21.944.975.600 đồng, thuế GTGT là 2.186.897.560 đồng.

- Công ty TNHH Phát triển dịch vụ vận tải QM, mã số thuế 0201803173 với **01** (một) hóa đơn điện tử giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 625.350.000 đồng, thuế GTGT là 62.535.000 đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư MH, mã số thuế 0201624135 với **01** (một) hóa đơn điện tử giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 512.177.000 đồng, thuế GTGT là 51.217.700 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại vận tải HLP, mã số thuế 0201290757 với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 398.250.000 đồng, thuế GTGT là 39.825.000 đồng.

- Công ty TNHH Sản xuất thương mại Gia Phúc HD, mã số thuế 0801397491 với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 635.000.000 đồng, thuế GTGT là 59.300.000 đồng.

- Cá nhân Phạm Văn L5, mã số thuế 0700235078 với **01** (một) hóa đơn điện tử giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 17.250.000 đồng, thuế GTGT là 1.380.000 đồng.

- Công ty TNHH Kinh doanh phát triển dịch vụ TA, mã số thuế 0601248855 với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 147.250.000 đồng, thuế GTGT là 11.780.000 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp MK, mã số thuế 0202196323 với **01** (một) hóa đơn điện tử giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.262.017.220 đồng, thuế GTGT là 126.201.722 đồng.

- Công ty TNHH XNK Thương mại và dịch vụ DH, mã số thuế 0202109232 với **01** (một) hóa đơn điện tử giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 400.000.000 đồng, thuế GTGT là 32.000.000 đồng.

- Công ty TNHH Xây lắp và vận tải ĐA, mã số thuế 0109400260 với **01** (một) hóa đơn điện tử giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 173.590.545 đồng, thuế GTGT là 13.887.244 đồng.

4.2. Lê Văn L tự mình xuất bán 05 hoá đơn, gồm có:

- Công ty TNHH Sao Việt - Quảng Ninh, mã số thuế 5701820225 với **03** (ba) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 421.810.000 đồng, thuế GTGT 37.770.000 đồng.

- Công ty Cổ phần toàn cầu ĐT, mã số thuế 0201785559 với **02** (hai) hóa đơn điện tử với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.728.921.900 đồng, thuế GTGT là 172.892.190 đồng.

5. Công ty Bình An 11: Vũ Văn H, Lê Văn L, Đào Hồng N đã sử dụng Công ty BA 11 xuất bán **52** (Năm mươi hai) số hóa đơn GTGT điện tử đều là giao dịch không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, mục đích là để thu lợi nhuận, gồm có:

- Công ty TNHH dịch vụ dầu khí và đóng tàu TH, mã số thuế 2802548789 với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.447.987.046 đồng, thuế GTGT là 144.798.705 đồng.

- Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy HL, mã số thuế 2800218288 với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 767.259.470 đồng, thuế GTGT là 76.725.947 đồng.

- Công ty TNHH Kinh doanh vận tải ĐT, mã số thuế 0202160334 với **04** (bốn) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 5.315.441.000 đồng, thuế GTGT là 531.544.100 đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư phát triển dịch vụ PKN, mã số thuế 0202149154 với **18** (mười tám) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 8.907.050.786 đồng, thuế GTGT là 890.705.078 đồng.

- Công ty Cổ phần thương mại vận tải BT, mã số thuế 0202021813 với **04** (bốn) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.200.780.000 đồng, thuế GTGT là 120.078.000 đồng.

- Công ty TNHH Thiết bị Phòng cháy chữa cháy TH, mã số thuế 0201581548 với **05** (năm) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.348.111.236 đồng, thuế GTGT là 134.811.124.

- Công ty TNHH Thương mại và vận tải XP, mã số thuế 0201275075 với **01** (một) hóa đơn điện tử với giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 295.200.000 đồng, thuế GTGT là 29.520.000 đồng.

- Công ty Cổ phần thương mại vận tải BH, mã số thuế 0200760463 với **01** (một) hóa đơn điện tử giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 2.025.550.000 đồng, thuế GTGT là 202.555.000 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải TH, mã số thuế 0200660998 với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.045.175.186 đồng, thuế GTGT là 104.517.519 đồng.

- Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ TN Hà Nội, mã số thuế 0106105877 với **06** (sáu) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 10.542.004.000 đồng, thuế GTGT là 1.054.200.400 đồng.

- Công ty TNHH Thương mại và vận tải HH, mã số thuế 0800561413 với **03** (ba) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 691.900.000 đồng, thuế GTGT là 69.190.000 đồng.

- Công ty TNHH kinh doanh và thương mại tổng hợp TN, mã số thuế 0601249305 với **02** (hai) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 427.011.000 đồng, thuế GTGT là 34.160.880 đồng.

- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng công trình và thương mại TT, mã số thuế 020215910 với **01** (một) hóa đơn điện tử giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 51.113.725 đồng, thuế GTGT là 5.111.373 đồng.

- Công ty TNHH MTV 68 Đại Bảo, mã số thuế 0110375869 với **01** (một) hóa đơn điện tử tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 2.187.550.000 đồng, thuế GTGT là 218.755.000 đồng.

Tổng số hóa đơn bị can Vũ Văn H bán trái phép từ các công ty nói trên là 238 số hóa đơn GTGT điện tử.

Tổng số hóa đơn bị can Lê Văn L bán trái phép từ các công ty nói trên là 243 số hóa đơn GTGT điện tử.

Tổng số hóa đơn bị can Đào Hồng N bán trái phép từ các công ty nói trên là 156 số hóa đơn GTGT điện tử.

Đối với Trần Văn A là người điều hành, quản lý 02 công ty là:

- Công ty TNHH Thương mại và Phát triển TH(gọi tắt là Công ty TH); có địa chỉ tại PTL, thị trấn NQ, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; Giám đốc Lý Thái H5 sinh năm 1988 trú tại PLT, thị trấn NQ, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại TT có địa chỉ tại Xóm 1, thôn GK, xã GT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình. Giám đốc là Bùi Thị H6 sinh năm 2000 trú tại PTL, thị trấn NQ, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Trần Văn A đã mua được các loại hàng hóa trôi nổi trên thị trường (không có hóa đơn theo quy định) qua mạng xã hội, rồi hợp thức hóa số hàng hóa này bằng cách mua các hóa đơn trái phép, để bán lại số hàng hóa đó cho các công ty, cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu. Trần Văn A đã thông qua Trần Thị O liên hệ, tìm mua hoá đơn GTGT của Vũ Văn H, Lê Văn L và Đào Hồng N (Từ Công ty ĐTC 668 và Công ty TT). Cụ thể:

1. Đối với Công ty TH: Trần Văn A và Trần Thị O thực hiện mua 25 (Hai mươi lăm) hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, gồm có:

- Công ty ĐTC 668 với **24** (hai mươi bốn) hóa đơn có tổng giá tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 13.894.097.970 đồng, thuế GTGT là 1.319.409.797 đồng.

- Công ty Tuấn Trang 186 với **01** (một) hóa đơn có giá tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 466.650.500 đồng, thuế GTGT là 46.660.550 đồng.

2. Đối với Công ty TN: Trần Văn A và Trần Thị O thực hiện mua **37** (Ba mươi bảy) hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, gồm có:

- Công ty ĐTC 668 với **25** (hai mươi năm) hóa đơn có tổng giá tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 21.944.975.600 đồng, thuế GTGT là 2.186.897.560 đồng.

- Công ty TNHH Tuấn Trang 186 với **12** (mười hai) hóa đơn có tổng giá tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 7.230.027.305 đồng, thuế GTGT là 723.002.731 đồng.

Tổng số hóa đơn Trần Văn A, Trần Thị O mua trái phép từ các công ty nói trên là 62 số hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo.

Quá trình điều tra xác định về việc thu lợi bất chính trong vụ án như sau: Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N sử dụng Công ty ĐTC 668 thông qua một người môi giới tên là T7 (Hiện không xác minh được lai lịch, địa chỉ) và Trần Thị O để xuất, bán cho Công ty TH và Công ty TN của Trần Văn A 49 hóa đơn có tổng số tiền 35.839.073.570 đồng, cụ thể như sau:

- Trần Văn A thống nhất trả cho Trần Thị O số tiền mua hóa đơn trái phép là 3% tổng số tiền ghi trên 49 hóa đơn chưa thuế tính tròn là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng): $3\% \times 30.000.000.000 \text{ đồng} = 900.000.000 \text{ đồng}$.

- Trần Thị O thống nhất trả cho Vũ Văn H, Đào Hồng N số tiền mua hóa đơn trái phép là 2,8% của tổng số tiền ghi trên 49 hóa đơn chưa thuế tính tròn là 30.000.000.000 đồng: $2,8\% \times 30.000.000.000 \text{ đồng} = 840.000.000 \text{ đồng}$.

Do đó, O được hưởng lợi: $(900.000.000 \text{ đồng} - 840.000.000 \text{ đồng}) = 60.000.000 \text{ đồng}$

- Vũ Văn H, Lê Văn L, Đào Hồng N đã thống nhất phân chia số tiền bán 49 hoá đơn là 840.000.000 đồng như sau:

+ Vũ Văn L được hưởng số tiền tương ứng là 2% của tổng số tiền 49 hóa đơn chưa thuế để dùng chi phí và trả cho người môi giới mua bán hoá đơn tên T7: $2\% \times 30.000.000.000 \text{ đồng} = 600.000.000 \text{ đồng}$.

+ Số tiền còn lại tương ứng 0,8% của tổng số tiền 49 hóa đơn chưa thuế thì Vũ Văn H được hưởng 40% và Đào Hồng N được hưởng 60%, cụ thể như sau:

* Số tiền N được hưởng lợi là: $(0,8\% \times 30.000.000.000 \text{ đồng}) \times 40\% = 96.000.000 \text{ đồng}$.

* Số tiền H được hưởng lợi là: $(0,8\% \times 30.000.000.000 \text{ đồng}) \times 60\% = 144.000.000 \text{ đồng}$.

Từ các công ty còn lại và các hóa đơn còn lại từ công ty ĐTC 668: Không nhớ được số tiền % như nào, chỉ nhớ dao động từ khoảng từ 1 % đến 2,2%. Nên không có căn cứ xác định được cụ thể số tiền hưởng lợi từ việc mua bán hoá đơn.

Quá trình điều tra không thu được sổ sách, chứng từ hạch toán của các Công ty TH, Công ty TN và Trần Văn A. Do đó, không xác định được việc mua bán hàng hóa trôi nổi trên thị trường với giá trị như nào, mua của ai thời gian, địa điểm và bán cho khách hàng như nào nên không xác định được số tiền hưởng lợi của Trần Văn A.

Quá trình điều tra đã xác định số tiền thực tế đã nhận từ việc mua bán 49 hoá đơn nêu trên như sau:

- Trần Văn A sử dụng 900.000.000 đồng để mua trái phép hoá đơn; Long đã trả được 870.000.000 đồng; còn nợ tiền mua hoá đơn trái phép là 30.000.000 đồng.
- Trần Thị O nhận 870.000.000 đồng từ Trần Văn A; đã trả cho H, N 390.000.000 đồng; còn đang giữ số tiền mua hoá đơn trái phép là 480.000.000 đồng.
- Vũ Văn H, Lê Văn L, Đào Hồng N nhận số tiền 390.000.000 đồng từ Trần Thị O và đã chia nhau như đã thống nhất.

Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Trần Thị O đã tự nguyện nộp được 300.000.000 đồng; bị cáo Vũ Văn H đã tự nguyện nộp được 100.000.000 đồng; bị cáo Lê Văn L đã tự nguyện nộp được 90.000.000 đồng; bị cáo Đào Hồng N đã tự nguyện nộp được 50.000.000 đồng. Trong giai đoạn truy tố, bị cáo Trần Thị O nộp bổ sung số tiền 30.000.000 đồng.

Kết quả trưng cầu giám định tài chính, thuế:

Tại Quyết định trưng cầu giám định số 243/QĐ-CSHS ngày 16/4/2024 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái, trưng cầu giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Cục thuế tỉnh Yên Bái giám định, xác định thiệt hại về tiền thuế GTGT, thuế thu nhập dO nghiệp phải nộp vào Ngân sách Nhà nước của: Công ty ĐHP, Công ty AT, Công ty GB 2023, Công ty TT, Công ty AP, Công ty AB688, Công ty TT186, Công ty ĐTC668, Công ty BA11, Công ty TN, Công ty TH trong việc thực hiện hành vi xuất bán trái phép hóa đơn GTGT điện tử khi không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo và kê khai khấu trừ của hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo tại các kỳ tính thuế trong năm 2023 và quyết toán thuế thu nhập dO nghiệp năm 2023.

Ngày 27/5/2024, Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Cục thuế tỉnh Yên Bái có bản kết luận giám định đã xác định:

- Về việc xác giá trị thiệt hại về tiền thuế GTGT phải nộp vào Ngân sách Nhà nước của các Công ty trong việc thực hiện hành vi xuất bán trái phép hóa đơn GTGT điện tử khi không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, do không xác định người nộp thuế đã kê khai tờ khai thuế GTGT kỳ tính thuế với các hóa đơn trên. Do đó, Giám định viên tư pháp xác định chưa đủ căn cứ để kết luận thiệt hại về thuế GTGT với ngân sách nhà nước. Hành vi sử dụng Hóa đơn giá trị gia tăng điện tử mua vào và

bán ra không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo là hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

- Về việc xác giá trị thiệt hại về tiền thuế TNDN phải nộp vào Ngân sách Nhà nước của các Công ty trong việc thực hiện hành vi xuất bán trái phép hóa đơn GTGT điện tử khi không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, do nghiệp không gửi tờ khai Quyết toán thuế TNDN và không xác định việc hạch toán kế toán để xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đối với các hóa đơn đã sử dụng. Do đó, Giám định viên tư pháp xác định chưa đủ căn cứ để kết luận thiệt hại về thuế TNDN với ngân sách nhà nước.

Ngày 29/8/2024, Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Cục thuế tỉnh Yên Bái có bản kết luận giám định đã xác định: Chưa đủ căn cứ để kết luận thiệt hại về thuế GTGT, thiệt hại về thuế TNDN với Ngân sách Nhà nước của Công ty TH và Công ty TN

Tại Cáo trạng số 63/CT-VKS-P2 ngày 27-9-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Vũ Văn H, Lê Văn L về tội Mua bán trái phép hoá đơn theo điểm a,d,đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đào Hồng N về tội Mua bán trái phép hoá đơn theo điểm a,d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Thị O về tội Mua bán trái phép hoá đơn theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn A về tội Mua bán trái phép hoá đơn theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N, Trần Văn A, Trần Thị O đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép hoá đơn như nội dung Cáo trạng truy tố.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội tại phiên tòa, đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N, Trần Văn A, Trần Thị O phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

- Áp dụng điểm a,d,đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn L tù có thời hạn bằng thời gian bị tạm giam từ ngày 09-01-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 27-11-2024; phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm a,d,đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn H tù có thời hạn bằng thời gian đã bị tạm giam từ ngày 09-01-2024 đến ngày 16-9-2024; phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Hồng N từ 08-09 tháng tù; phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Thay đổi một phần quyết định truy tố đối với Trần Thị O; đề nghị áp dụng

điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị O từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn A từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo trình bày nhận thức được lỗi lầm, xin được pháp luật khoan hồng để giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng tháng 5/2023, Vũ Văn H, Lê Văn L và Đào Hồng N đã thống nhất cùng nhau thành lập công ty, tìm mua lại các công ty để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn cho các công ty, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu để thu lợi bất chính, đồng thời thống nhất phân công công việc của từng người như sau: Vũ Văn H là người tìm khách hàng và quản lý xuất, bán trái phép hóa đơn; Lê Văn L có nhiệm vụ thành lập các công ty, tìm mua lại các công ty và cùng quản lý theo dõi việc xuất, bán trái phép hóa đơn; Đào Hồng N làm kế toán, kiểm soát thu, chi của các công ty và thanh toán tiền lợi nhuận cho mọi người, đồng thời tìm kiếm khách hàng và cùng quản lý, theo dõi việc xuất, bán trái phép hóa đơn.

Từ tháng 5/2023 đến tháng 7/2023, H, L, N đã thành lập và mua lại được 09 công ty. Sau đó thực hiện việc xuất bán hoá đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho nhiều công ty, doanh nghiệp, cá nhân ở nhiều địa phương. Cụ thể: Vũ Văn H đã bán trái phép 238 hóa đơn GTGT, để thu lợi bất chính 144.000.000 đồng; Lê Văn L đã bán trái phép 243 hóa đơn GTGT, để thu lợi bất chính 600.000.000 đồng; Đào Hồng N đã bán trái phép 156 hóa đơn GTGT, để thu lợi bất chính 96.000.000 đồng.

Trong tháng 6 và tháng 7/2023, bị cáo Trần Văn A là người điều hành, quản lý Công ty TH và Công ty TN đã thông qua Trần Thị O mua trái phép 62 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo từ H, L, N, với mục đích hợp thức

nguồn gốc số hàng hóa đã mua trôi nổi không có hóa đơn, chứng từ đầu vào. Trần Thị O qua môi giới mua bán trái phép hóa đơn nêu trên để thu lợi bất chính số tiền 60.000.000 đồng.

[3] Các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N, Trần Văn A, Trần Thị O đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán hoá đơn không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện vì mục đích thu lợi bất chính. Hành vi đó của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước về hóa đơn, chứng từ và hoạt động quản lý thuế, thu, chi ngân sách nhà nước nên đã phạm vào tội Mua bán trái phép hoá đơn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[4] Các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N có sự bàn bạc, thống nhất về vai trò và cách thức thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp “Phạm tội có tổ chức”, vai trò của các bị cáo là như nhau, vừa là người tổ chức, vừa là người thực hành. Do đó các bị cáo L, H, N phải chịu tình tiết định khung theo điểm a khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N, Trần Văn A, Trần Thị O đều thực hiện hành vi mua bán trái phép trên 30 hoá đơn đã ghi nội dung, là tình tiết định khung theo điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H thu lợi bất chính số tiền trên 100.000.000 đồng là tình tiết định khung theo điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Trần Văn A, Trần Thị O đều đã từng bị kết án nhưng đã được xoá án tích; bị cáo Vũ Văn H vẫn đang có 01 tiền sự. Bị cáo Đào Hồng N là người chưa có tiền án, tiền sự nên được coi là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N, Trần Văn A, Trần Thị O nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép hoá đơn, nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong vụ án đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo L, H, N trong quá trình điều tra đã giao nộp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội, khai báo ra hành vi phạm tội của các đồng phạm, thể hiện sự tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo L, H, N, O đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N bằng hình phạt tù có thời hạn; xử phạt các bị cáo

Trần Văn A, Trần Thị O bằng hình phạt tiền, để tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, góp phần giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo này với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H bị xử phạt với mức án bằng thời gian bị tạm giam. Ngoài hình phạt chính, các bị cáo L, H, N còn bị phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[9] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với nghĩa vụ nộp lại khoản thu lời bất chính được xác định như sau:

- Bị cáo Trần Thị O đang giữ số tiền thu lời bất chính là 480.000.000 đồng, đã nộp được 330.000.000 đồng, còn phải nộp 150.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Vũ Văn H chịu trách nhiệm về số tiền thu lời bất chính là 144.000.000 đồng; đã nộp được 100.000.000 đồng, còn phải nộp 44.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Đào Hồng N chịu trách nhiệm về số tiền thu lời bất chính là 96.000.000 đồng, đã nộp được 50.000.000 đồng, còn phải nộp 46.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Lê Văn L chịu trách nhiệm về số tiền thu lời bất chính là 150.000.000 đồng; đã nộp được 90.000.000 đồng, còn phải nộp 60.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Trần Văn A sử dụng 900.000.000 đồng để mua hoá đơn trái phép, đã thanh toán 870.000.000 đồng. Bị cáo Long phải nộp số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[9.2] Đối với các vật chứng khác trong vụ án:

- Đối với 01 (một) dấu chức danh giám đốc và 01 (một) dấu dO nghiệp của Công ty TNHH Thương mại và phát triển TH không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu huỷ.

- Đối với 01 (một) biển hiệu Công ty TNHH Xây dựng Thương mại dịch vụ TT không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu huỷ.

- Cơ quan điều tra thu giữ 02 điện thoại di động của bị cáo Trần Văn A và 02 điện thoại di động của Trần Thị O không liên quan đến tội phạm, được trả lại cho các bị cáo.

- Cơ quan điều tra thu giữ 01 Case máy tính (CPU) và 01 màn hình máy tính nhãn hiệu “SAM SUNG” của Phạm Thị X, nhưng được các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về những nội dung khác trong vụ án:

[10.1] Đối với số lượng hoá đơn GTGT mà các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N xuất cho 09 công ty của chính các bị cáo quản lý, điều hành để hợp thức hoá đầu vào hàng hoá, nhưng không phát sinh quan hệ mua bán hoá đơn, nên không cấu thành tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

[10.2] Trong vụ án còn có Phạm Thị X là người được L, H thuê làm kế toán, nhưng có hành vi giúp soạn thảo nhập các hóa đơn, in xuất hóa đơn theo sự chỉ đạo của L, H, cần kiến nghị cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xác minh hành vi của Phạm Thị X để xử lý theo quy định của pháp luật.

[10.3] Đối với người tên là T7 môi giới mua bán hoá đơn cho bị cáo Vũ Văn L từ Công ty ĐTC 668, nhưng L không biết họ, tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể của Tuyển ở đâu. Do đó, không đủ căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ và xử lý đối với Tuyển trong vụ án này. Đối với những “người trung gian” trên mạng xã hội, được các bị cáo liên hệ để mua bán trái phép hoá đơn, nhưng không xác định được họ, tên, địa chỉ, nên cũng không đủ căn cứ để điều tra, xác minh và xử lý.

[10.4] Đối với những người đứng tên Giám đốc của 09 công ty do H, L, N quản lý, điều hành và những người đứng tên Giám đốc của Công ty Thái Hà và Công ty TN, quá trình điều tra đã xác định họ không tham gia vào hoạt động của các công ty nêu trên, có những người không biết mình làm giám đốc công ty, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là phù hợp.

[10.5] Đối với các Công ty khác có phát sinh hoá đơn với các Công ty của các bị cáo Vũ Văn H, Lê Văn L, Đào Hồng N, đang được Cơ quan điều tra tách tài liệu để tiếp tục kiểm tra, xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N, Trần Văn A, Trần Thị O bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N, Trần Văn A, Trần Thị O phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

1. Về hình phạt:

1.1. Đối với bị cáo Lê Văn L: Căn cứ điểm a,d,đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn L 10 (Mười) tháng 19 (Mười chín) ngày tù; phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Thời hạn tù bằng thời gian bị tạm giam từ ngày 09-01-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 27-11-2024. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo Lê Văn L ngay tại phiên toà, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.2. Đối với bị cáo Vũ Văn H: Căn cứ điểm a,d,đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn H 08 (Tám) tháng tù; phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Thời hạn tù bằng thời gian bị tạm giam từ ngày 09-01-2024 đến ngày 16-9-2024. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

1.3. Đối với bị cáo Đào Hồng N: Căn cứ điểm a, d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Hồng N 08 (Tám) tháng tù; phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

1.4. Đối với bị cáo Trần Thị O: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị O 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

1.5. Đối với bị cáo Trần Văn A: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn A 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

2. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu của bị cáo Trần Thị O số tiền 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp được 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng), còn phải nộp 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Tịch thu của bị cáo Vũ Văn H số tiền 144.000.000đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước; bị cáo đã nộp được 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), còn phải nộp 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

- Tịch thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước; bị cáo đã nộp được 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), còn phải nộp 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

- Tịch thu của bị cáo Đào Hồng N số tiền 96.000.000đ (Chín mươi sáu triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn phải nộp 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng).

- Tịch thu của bị cáo Trần Văn A số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) dấu chức danh giám đốc vỏ nhựa màu đỏ, loại dấu dập mang tên Lý Thái H5; 01 (một) dấu dO nghiệp của Công ty TNHH Thương mại và phát triển TH, loại dấu dập vỏ nhựa màu đỏ; 01 (một) biên hiệu có chữ màu trắng ghi: “Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại dịch vụ TT MST: 5200937448, ĐC: thôn KN, xã CT, huyện VC, tỉnh Yên Bái, Việt Nam”, kích thước khoảng 29 x 40 cm, màu xanh, đã cũ bị nứt vỡ nhiều chỗ.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) Case máy tính (CPU) màu đen trên có ghi chữ “XIGMATEK”, mặt sau có dán tem “JETEK”, “AC 230V”, đã qua sử dụng; 01 (một) màn hình nhãn hiệu “SAM SUNG” màu đen, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn A: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ máy màu bạc trên có ghi chữ “SAMSUNG”, loại máy “Galaxy S21 Ultra 5G”, có số Seri 5RCR11FL2AA, có gắn 2 SIM, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ máy màu sữa trên có ghi chữ “SAMSUNG”, loại máy “Galaxy Z Fold4”, có số Seri RFCT90VGH7X, có gắn 2 SIM, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị O: 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 màu vàng đồng, có gắn 01 SIM số IMEI 353812080364897, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại Iphone 12 Pro màu trắng, có gắn 01 SIM số IMEI 356697114635199, máy đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Lê Văn L, Vũ Văn H, Đào Hồng N, Trần Thị O, Trần Văn A, mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ GDKT 1-TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cq CSĐT- CA tỉnh Yên Bái;
- Cq THAHS-CA tỉnh Yên Bái;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Yên Bái
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Phòng KTNV và THA (5);
- Bị cáo (5); Trại TG;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, TA, Tiểu HS, HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng